

Số: 536/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 30 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bãi bỏ lĩnh vực y tế dự phòng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;


Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 3245/TTr-SYT ngày 16 tháng 10 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố các thủ tục hành chính mới ban hành và bãi bỏ lĩnh vực y tế dự phòng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Kon Tum (kèm theo danh mục và nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và bãi bỏ các thủ tục hành chính số 01, 02 khoản II, mục A phần I và II Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa ngành Y tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các sở, ban ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3 (t/h);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Bộ Y tế (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NCXDPL₃.

CHỦ TỊCH




Nguyễn Văn Hòa

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ BÃI BỎ
LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 30 / 10 / 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế: 05 TTHC.

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Y tế dự phòng: 05 TTHC
1	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng
2	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải
3	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa
4	Kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt, tro cốt
5	Kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người

B. Danh mục TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế: 02 TTHC.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC
I		Lĩnh vực Y tế dự phòng: 02 TTHC	
1		Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi hài, hài cốt, tro cốt	Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ.
2		Cấp giấy chứng nhận kiểm tra và xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ	

PHẦN II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Lĩnh vực Y tế dự phòng:

1. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân lập và nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng.</p> <p>- Thời gian: Từ 7h 00 đến 19h 00 vào các ngày trong tuần (kể cả thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ).</p> <p>Bước 2. Cung cấp minh chứng việc sử dụng vắc xin, biện pháp dự phòng đã áp dụng trước đó còn hiệu lực với tổ chức kiểm dịch y tế hoặc thực hiện việc tiêm chủng vắc xin.</p> <p>Bước 3. Sau khi tiếp nhận đủ đơn và tài liệu minh chứng đã tiêm vắc xin phòng bệnh, tổ chức kiểm dịch y tế cấp ngay giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế.</p> <p>- Thời gian: Từ 7h 00 đến 19h 00 vào các ngày trong tuần (kể cả thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ).</p>			
Cách thức thực hiện	Thực hiện tại cửa khẩu			
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Đơn đề nghị (theo mẫu).</p> <p>- Minh chứng việc sử dụng vắc xin, biện pháp dự phòng đã áp dụng trước đó còn hiệu lực (nếu có).</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ cho một lần cấp giấy chứng nhận</p>			
Thời hạn giải quyết	Ngay sau khi tiếp nhận đủ đơn và tài liệu minh chứng đã tiêm vắc xin phòng bệnh.			
Đối tượng thực hiện	<p>Đối tượng áp dụng:</p> <p>a) Đối tượng không có giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng đối với người xuất phát từ hoặc đi đến quốc gia, vùng lãnh thổ có dịch bệnh thuộc nhóm A mà bệnh đó bắt buộc phải tiêm chủng hoặc áp dụng biện pháp dự phòng;</p> <p>b) Đối tượng có giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng đã hết hiệu lực đối với người xuất phát từ hoặc đi đến quốc gia, vùng lãnh thổ có dịch bệnh thuộc nhóm A mà bệnh đó bắt buộc phải tiêm chủng hoặc áp dụng biện pháp dự phòng.</p>			
Cơ quan thực hiện	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh			
Kết quả	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng			
Lệ phí		Đơn vị tính	Mức giá tối đa	
	1	Tiêm chủng, áp dụng biện pháp dự phòng và cấp chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng (Mức thu không bao gồm tiền vắc xin, thuốc, khẩu trang)	USD/lần	8
	2	Tiêm chủng (gồm vắc xin đường uống, đường tiêm), áp dụng biện pháp dự phòng và cấp chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng (gồm lần đầu, tái chủng, theo lịch, kiểm tra cập lại chứng nhận tiêm chủng quốc tế)	đồng/lần	85.000
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn đề nghị (Mẫu số 15 Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018).			

Yêu cầu, điều kiện	Không.
Căn cứ pháp lý	- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007 về Phòng, chống bệnh truyền nhiễm. - Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ/ APPLICATION FORM
Cấp Giấy chứng nhận/ kiểm tra, xử lý
For issuance of certificate/ inspection/ control,

Kính gửi/ To:

Tôi là (họ tên bằng chữ hoa)/ Name Nam (Male) / Nữ (Female)

Chức vụ/ Title: (nếu có/ if any)

Tên cơ quan/ Agency: (nếu có/ if any)

Sinh ngày/ Date of birth:/...../..... Quốc tịch/ Nationality:

Số CMND (hoặc Hộ chiếu)/ Passport/ID No.) Ngày cấp/ Date of issue:

Nơi cấp/ Place of issue:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/ Registered permanent residence:

Chỗ ở hiện tại/ Current residence:

Thực hiện Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm và kiểm dịch y tế biên giới/ Implementation of the Decree No. 89/2018/ND-CP of the Government of Viet Nam dated 25/6/2018 on implementing the Law on Prevention and Control of Infectious Diseases

Đề nghị/ To request cấp Giấy chứng nhận/ kiểm tra, xử lý (For issuance certificate/ inspection/ control,), cho tôi hoặc Công ty/ đơn vị (tên đơn vị) (to me/Agency).....

....., ngày/ dd..... tháng/ mm..... năm/ yyyy.....

Người đề nghị/ Applicant
 (Ký, ghi rõ họ tên)/ Name and signature

Hồ sơ gửi kèm theo/ File enclosed:

.....

2. Thủ tục: Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Khai báo y tế với phương tiện vận tải: Tổ chức, cá nhân thực hiện khai, nộp giấy khai báo y tế hàng hóa, phương tiện vận tải và giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không (nếu có) trước khi phương tiện qua cửa khẩu.</p> <p>- Thời gian: Từ 7h 00 đến 19h 00 vào các ngày trong tuần (kể cả thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ).</p> <p>Bước 2. Thu thập thông tin trước khi phương tiện vận tải qua biên giới:</p> <ol style="list-style-type: none">Số hiệu hoặc biển số của phương tiện vận tải;Lộ trình của phương tiện vận tải trước khi nhập cảnh, quá cảnh, xuất cảnh;Thông tin sức khỏe của người đi trên phương tiện vận tải;Các thông tin cần thiết khác. <p>Bước 3. Xử lý thông tin đối với phương tiện vận tải:</p> <ol style="list-style-type: none">Kiểm dịch viên y tế thực hiện kiểm tra y tế theo quy định đối với phương tiện vận tải có yếu tố nguy cơ bao gồm:<ol style="list-style-type: none">Phương tiện vận tải đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát;Phương tiện vận tải chở người bệnh hoặc người nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm;Phương tiện vận tải chở hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.Trường hợp phương tiện không có yếu tố nguy cơ theo quy định, kiểm dịch viên y tế thực hiện giám sát phương tiện vận tải trong thời gian chờ nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh gồm các nội dung sau:<ol style="list-style-type: none">Giám sát trung gian truyền bệnh truyền nhiễm xâm nhập lên, xuống phương tiện vận tải;Giám sát trung gian truyền bệnh, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm trong quá trình bốc dỡ, tiếp nhận hàng hóa.Trong quá trình giám sát, nếu phát hiện phương tiện vận tải có trung gian truyền bệnh truyền nhiễm, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc không bảo đảm điều kiện vệ sinh chung (bao gồm phát hiện chất thải, chất tiết, dấu vết của trung gian truyền bệnh; thực phẩm, rác thải sinh hoạt không được thu gom, bảo quản, xử lý đúng quy định hoặc các khu vực ăn, ở, kho chứa, nhà vệ sinh không được vệ sinh thường xuyên gây tình trạng nấm, mốc, mùi hôi thối), kiểm dịch viên y tế đề xuất biện pháp kiểm tra y tế vào giấy khai báo y tế đối với phương tiện vận tải.Trường hợp phương tiện vận tải không thuộc một trong các trường hợp có yếu tố nguy cơ hoặc không cần phải kiểm tra y tế, kiểm dịch viên y tế xác nhận kết quả kiểm dịch y tế, kết thúc quy trình kiểm dịch. <p>Bước 4. Kiểm tra giấy tờ đối với phương tiện vận tải:</p> <p>Loại giấy tờ kiểm tra:</p> <ol style="list-style-type: none">Đối với tàu bay: tờ khai chung hàng không đối với tàu bay, giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không (nếu có);Đối với tàu thuyền: giấy khai báo y tế hàng hải, giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền, bản khai chung (nếu có) và giấy chứng nhận kiểm tra y tế hàng hóa (trên tàu thuyền), tàu thuyền (nếu có);Đối với phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt: giấy khai báo y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt và giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không (nếu có). <p>Bước 5. Kiểm tra thực tế đối với phương tiện vận tải:</p> <p>Kiểm dịch viên y tế yêu cầu đưa phương tiện vận tải vào khu vực cách ly</p>
---------------------------	---

	<p>đề thực hiện các nội dung sau:</p> <p>a) Kiểm tra tình trạng vệ sinh chung trên phương tiện vận tải;</p> <p>b) Kiểm tra trung gian truyền bệnh truyền nhiễm trên phương tiện vận tải;</p> <p>c) Đánh giá hiệu quả các biện pháp xử lý y tế đã áp dụng;</p> <p>d) Lấy mẫu xét nghiệm trong trường hợp nghi ngờ có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.</p> <p>Bước 6. Xử lý y tế đối với phương tiện vận tải:</p> <p>Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế, kiểm dịch viên y tế có thể áp dụng một hoặc các biện pháp sau:</p> <p>a) Diệt tác nhân gây bệnh, trung gian truyền bệnh;</p> <p>b) Thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai việc thu gom, xử lý chất thải có khả năng mang tác nhân gây bệnh hoặc có nguy cơ gây bệnh truyền nhiễm;</p> <p>c) Khử trùng.</p>
Cách thức thực hiện	Kiểm tra/xử lý y tế trực tiếp tại cửa khẩu
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt: + Giấy khai báo y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt (theo mẫu) + Giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không (nếu có). - Đơn đề nghị (theo mẫu): Trường hợp người khai báo y tế yêu cầu kiểm tra, xử lý y tế phương tiện vận tải để cấp giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không hoặc giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận vệ sinh tàu thuyền. <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 hồ sơ đối với 01 phương tiện vận tải.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian hoàn thành việc giám sát đối với một phương tiện vận tải không quá 01 giờ đối với phương tiện đường bộ, đường hàng không; 02 giờ đối với phương tiện đường sắt, đường thủy. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một phương tiện vận tải không quá 20 phút kể từ khi nhận đủ giấy tờ. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế không quá 01 giờ đối với phương tiện vận tải đường bộ, đường hàng không; 02 giờ đối với phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy. Trường hợp quá thời gian kiểm tra nhưng chưa hoàn thành công tác chuyên môn, nghiệp vụ kiểm dịch y tế, trước khi hết thời gian quy định 15 phút, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế biết, thời gian gia hạn không quá 01 giờ. - Thời gian cấp giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền không quá 30 phút sau khi hoàn thành việc xử lý y tế. - Thời gian hoàn thành các biện pháp xử lý y tế: <ul style="list-style-type: none"> + Không quá 01 giờ đối với một phương tiện vận tải đường bộ hoặc một toa tàu hỏa, một tàu bay; + Không quá 06 giờ đối với cả đoàn tàu hỏa hoặc một tàu thuyền kể từ thời điểm phát hiện ra phương tiện vận tải thuộc diện phải xử lý y tế. + Không quá 24 giờ đối với tàu thuyền trong trường hợp phải xử lý y tế bằng hình thức bẫy chuột, đặt mồi, xông hơi diệt chuột. + Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ đối với một phương tiện vận tải đường bộ hoặc một toa tàu hỏa hoặc một tàu bay; không quá 04 giờ đối với cả đoàn tàu

	hỏa hoặc một tàu thuyền kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.			
Đối tượng thực hiện	<p>1. Đối tượng phải khai báo y tế</p> <p>Tất cả phương tiện vận tải khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh phải thực hiện khai báo y tế, trừ tàu bay, tàu thuyền đã làm thủ tục kiểm dịch y tế khi nhập cảnh ở cảng đầu tiên sau đó chuyển đến các cảng nội địa khác.</p> <p>2. Đối tượng kiểm tra giấy tờ:</p> <p>Phương tiện vận tải có yếu tố nguy cơ:</p> <p>a) Phương tiện vận tải đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát;</p> <p>b) Phương tiện vận tải chở người bệnh hoặc người nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm;</p> <p>c) Phương tiện vận tải chở hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.</p> <p>- Phương tiện vận tải có trung gian truyền bệnh truyền nhiễm, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc không bảo đảm điều kiện vệ sinh chung (bao gồm phát hiện chất thải, chất tiết, dấu vết của trung gian truyền bệnh; thực phẩm, rác thải sinh hoạt không được thu gom, bảo quản, xử lý đúng quy định hoặc các khu vực ăn, ở, kho chứa, nhà vệ sinh không được vệ sinh thường xuyên gây tình trạng nấm, mốc, mùi hôi thối).</p> <p>3. Đối tượng kiểm tra thực tế:</p> <p>- Phương tiện vận tải có yếu tố nguy cơ:</p> <p>a) Phương tiện vận tải đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát;</p> <p>b) Phương tiện vận tải chở người bệnh hoặc người nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm;</p> <p>c) Phương tiện vận tải chở hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.</p> <p>- Phương tiện vận tải có trung gian truyền bệnh truyền nhiễm, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc không bảo đảm điều kiện vệ sinh chung (bao gồm phát hiện chất thải, chất tiết, dấu vết của trung gian truyền bệnh; thực phẩm, rác thải sinh hoạt không được thu gom, bảo quản, xử lý đúng quy định hoặc các khu vực ăn, ở, kho chứa, nhà vệ sinh không được vệ sinh thường xuyên gây tình trạng nấm, mốc, mùi hôi thối).</p> <p>- Phương tiện vận tải xuất phát hoặc đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ ghi nhận có trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A mà chưa được xử lý y tế; phương tiện vận tải chở người nghi ngờ, mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A; phương tiện vận tải chở hàng hóa nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm, trung gian truyền bệnh thuộc nhóm A; phương tiện vận tải không có giấy chứng nhận miễn hoặc đã xử lý vệ sinh.</p> <p>4. Đối tượng xử lý y tế:</p> <p>Phương tiện vận tải bị kiểm tra mang hoặc có dấu hiệu mang mầm bệnh truyền nhiễm, trung gian truyền bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.</p>			
Cơ quan thực hiện	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh			
Kết quả thực hiện	<p>- Xác nhận không cần phải kiểm tra y tế, kết thúc quy trình kiểm dịch hoặc;</p> <p>- Cấp biên bản kiểm tra, giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý, giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh đối với phương tiện vận tải.</p>			
Phí, lệ phí	- Kiểm dịch y tế phương tiện, xuất, nhập, quá cảnh			
	TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa
	1	Phương tiện đường bộ các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng từ 5 tấn trở lên	đồng/lần/xe	35.000
	2	Phương tiện đường bộ các loại	đồng/lần/xe	25.000

	(công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng dưới 5 tấn		
- Diệt côn trùng (Không bao gồm tiền hóa chất)			
TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa
1	Phương tiện đường bộ các loại tải trọng từ 5 tấn trở lên (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác)	đồng /phương tiện	65.000
2	Phương tiện đường bộ các loại tải trọng dưới 5 tấn (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác)	đồng/Phương tiện	21.000
- Khử trùng (Không bao gồm tiền hóa chất)			
TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa
1	Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng trên 30 tấn	đồng/phương tiện	55.000
2	Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng từ 5 tấn đến 30 tấn (công nông, xe tải, xe con, xe khách, xe khác)	đồng/phương tiện	40.000
3	Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng dưới 5 tấn (công nông, xe tải, xe con, xe khách, xe khác)	đồng/phương tiện	25.000
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Đơn đề nghị (Mẫu số 15 Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018). - Giấy khai báo y tế (Mẫu số 4 Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018).		
Yêu cầu, điều kiện	Không		
Căn cứ pháp lý	- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007 về Phòng, chống bệnh truyền nhiễm - Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ/ APPLICATION FORM
Cấp Giấy chứng nhận/ kiểm tra, xử lý
For issuance of certificate/ inspection/ control,

Kính gửi/ To:

Tôi là (họ tên bằng chữ hoa)/ Name Nam (Male) / Nữ (Female)

Chức vụ/ Title: (nếu có/ if any)

Tên cơ quan/ Agency: (nếu có/ if any)

Sinh ngày/ Date of birth: Quốc tịch/ Nationality:

Số CMND (hoặc Hộ chiếu)/ Passport ID No.) Ngày cấp/ Date of issue:

Nơi cấp/ Place of issue:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/ Registered permanent residence:

Chỗ ở hiện tại/ Current residence:

Thực hiện Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm và kiểm dịch y tế biên giới/ Implementation of the Decree No. 89/2018/ND-CP of the Government of Viet Nam dated 25/6/2018 on implementing the Law on Prevention and Control of Infectious Diseases

Đề nghị/ To request cấp Giấy chứng nhận kiểm tra, xử lý (For issuance certificate/ inspection/ control,), cho tôi hoặc Công ty/ đơn vị (tên đơn vị) (to me/ Agency)

....., ngày/ dd tháng/ mm năm/ yyyy)

Người đề nghị/ Applicant

(Ký, ghi rõ họ tên)/ Name and signature

Hồ sơ gửi kèm theo/ File enclosed:

.....
.....

GIẤY KHAI BÁO Y TẾ
HÀNG HOÀ VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI (đối với đường bộ, đường sắt)
Health Declaration for conveyances, and cargo (for land transportation means, railway)

1. **Phân khai hàng hoá (bao gồm cả đường bộ, sắt, hàng không) (Declaration for cargo (including land transportation, railway, airway))**

Nơi đi/ *Departure* Nơi đến/ *Arrival*.....
 Điểm cửa khẩu/ *Name of entry point* Ngày, tháng, năm/ *Date (dd/mm/yy)*
 Tên chủ hàng/ *Name of the goods owner*
 Địa chỉ/ *Address*.....

STT <i>Item</i>	Danh mục hàng hoá <i>Name of cargo</i>	Số lượng và quy cách đóng gói <i>Quantity and package form</i>	Trọng lượng <i>Gross weight</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
1				
2				
Tổng cộng/ <i>Total</i>				

2. **Phân khai phương tiện đường bộ, đường sắt (Declaration for land transportation means, railway).**

Nơi đi/ *Departure* Nơi đến/ *Arrival*.....
 Tên phương tiện vận tải/ *Name of conveyance*
 Quốc tịch hãng/ *Nationality, agent*
 Tên chủ phương tiện/ Tên chủ hàng/ *Name of the conveyance operator/ Name of the goods owner*

 Địa chỉ/ *Address*.....
 Điểm cửa khẩu/ *Name of entry point* Ngày tháng năm/ *Date (dd/mm/yy)*.....

STT <i>Item</i>	Số hiệu/hiệu số <i>Registration No</i>	Số lượng phương tiện <i>Number of conveyances</i>	Trọng tải (tấn) <i>Net tonnage</i>	Số nhân viên <i>Number of staff</i>	Số lượng hành khách <i>Number of passengers</i>
1					
2					

Chủ hàng, chủ phương tiện trả lời các câu hỏi sau/ The following questions are answered by the conveyance operator, the owner of cargo

1. Hàng hoá hoặc phương tiện vận tải có xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch không? *Has conveyance or cargo come from or visited through affected area?*

Có/ *Yes* Không/ *No*

2. Hiện nay hoặc trong thời gian hành trình trên phương tiện có người mắc bệnh hoặc nghi mắc bệnh không? *Is there on board now or has there been during the trip any case or suspected case of disease?*

Có/ *Yes* Không/ *No*

3. Có giấy chứng nhận kiểm tra và xử lý y tế hàng hoá không? *Is there a Certification of health inspection and control for cargo?*

Có/ *Yes* Không/ *No*

Nếu có, ghi rõ ngày cấp/ nơi cấp/ *If yes, please note date and place of issue*

4. Có giấy chứng nhận kiểm tra và xử lý y tế phương tiện vận tải không? *Is there Certification of health inspection and control for conveyances?*

Co/Yes Không/No

Nêu có, ghi rõ ngày cấp/nơi cấp/ *If yes, please note date and place of issue*

Người khai (k), ghi rõ họ tên)
(Signature and full name of Declarant)

Ngày /Date:.....giờ /hour

Ý kiến của kiểm dịch viên/ *Recommendation of health quarantine officer*.....

.....

Kiểm dịch viên y tế/ *health quarantine officer*

Ký và đóng dấu/ *Signature and stamp*

3. Thủ tục: Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa.

Trình tự thực hiện	Bước 1. Khai báo y tế đối với hàng hóa:
	<p>1. Đối với hàng hóa vận tải bằng đường bộ, đường sắt, đường hàng không: người khai báo y tế khai, nộp giấy khai báo y tế hàng hóa, giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không (nếu có) cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới hoặc qua Công thông tin một cửa quốc gia trước khi hàng hóa được phép nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh.</p> <p>- Thời gian: Từ 7h 00 đến 19h 00 vào các ngày trong tuần (kể cả thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ).</p>
	<p>2. Đối với hàng hóa vận tải bằng đường thủy: người khai báo y tế thực hiện khai, nộp bản sao bản khai hàng hóa và giấy chứng nhận kiểm tra y tế hàng hóa (trên tàu thuyền), tàu thuyền (nếu có) cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới hoặc qua Công thông tin một cửa quốc gia trước 12 giờ kể từ khi hàng hóa dự kiến nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh.</p>
	<p>Bước 2. Thu thập thông tin trước khi hàng hóa vận chuyển qua biên giới</p> <p>Các thông tin cần thu thập:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Thông tin về nơi hàng hóa xuất phát hoặc quá cảnh;b) Thông tin về chủng loại, số lượng, bảo quản, đóng gói hàng hóa và phương tiện vận chuyển.
	<p>Bước 3. Xử lý thông tin đối với hàng hóa</p>
	<p>1. Kiểm dịch viên y tế thực hiện kiểm tra y tế đối với các hàng hóa có yếu tố nguy cơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Hàng hóa vận chuyển qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát;b) Hàng hóa mang hoặc có dấu hiệu mang mầm bệnh, trung gian truyền bệnh truyền nhiễm;c) Hàng hóa vận chuyển bằng phương tiện có yếu tố nguy cơ:<ul style="list-style-type: none">- Phương tiện vận tải đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát;- Phương tiện vận tải chở người bệnh hoặc người nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm;- Phương tiện vận tải chở hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.d) Hàng hóa có thông báo của cơ quan có thẩm quyền về nguy cơ lây lan dịch bệnh truyền nhiễm.
	<p>2. Trường hợp hàng hóa không có yếu tố nguy cơ kiểm dịch viên y tế thực hiện giám sát hàng hóa trong thời gian chờ nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Đối chiếu giấy khai báo y tế đối với hàng hóa, trừ trường hợp hàng hóa quá cảnh mà không bốc dỡ khỏi phương tiện;b) Giám sát tác nhân gây bệnh truyền nhiễm, trung gian gây bệnh truyền nhiễm xâm nhập vào hàng hóa.
	<p>3. Thực hiện giám sát theo quy định đối với hàng hóa nhập khẩu chờ làm thủ tục nhập khẩu trước khi chuyển về kho ngoại quan nằm ngoài cửa khẩu.</p>
	<p>4. Trong quá trình giám sát, nếu phát hiện hàng hóa có trung gian truyền bệnh truyền nhiễm, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc không bảo đảm điều kiện vệ sinh chung (bao gồm phát hiện chất thải, chất tiết, dấu vết của trung gian truyền bệnh; hàng hóa có tình trạng nấm, mốc, mùi hôi thối), kiểm dịch viên y tế thu thập thêm thông tin về các biện pháp xử lý y tế đã áp dụng, cần hỗ trợ, đề xuất biện pháp kiểm tra y tế vào Giấy khai báo y tế đối với hàng hóa.</p>
	<p>5. Trường hợp hàng hóa không thuộc một trong các trường hợp quy định,</p>

kiểm dịch viên y tế xác nhận kết quả kiểm dịch y tế và kết thúc quy trình kiểm dịch.

Bước 4. Kiểm tra giấy tờ đối với hàng hóa

Kiểm dịch viên y tế kiểm tra các loại giấy tờ sau:

a) Đối với hàng hóa vận tải bằng đường bộ, đường sắt, đường hàng không: giấy khai báo y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không, giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không (nếu có);

b) Đối với hàng hóa vận tải bằng đường thủy: bản sao bản khai hàng hóa; giấy chứng nhận kiểm tra y tế hàng hóa (trên tàu thuyền), tàu thuyền (nếu có).

Bước 5. Kiểm tra thực tế đối với hàng hóa

Kiểm dịch viên y tế yêu cầu đưa hàng hóa vào khu vực kiểm tra y tế, thực hiện kiểm tra các nội dung sau:

1. Nội dung khai báo với thực tế hàng hóa;
2. Tình trạng vệ sinh chung;
3. Trung gian truyền bệnh truyền nhiễm;
4. Quy định về dụng cụ, bao gói chứa đựng, thông tin ghi trên nhãn; điều kiện vận chuyển;
5. Đánh giá hiệu quả các biện pháp xử lý y tế đã áp dụng;
6. Lấy mẫu xét nghiệm trong các trường hợp:

a) Hàng hóa có yếu tố nguy cơ bao gồm:

- Hàng hóa vận chuyển qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát;
- Hàng hóa mang hoặc có dấu hiệu mang mầm bệnh, trung gian truyền bệnh truyền nhiễm;
- Hàng hóa vận chuyển bằng phương tiện có yếu tố nguy cơ:

+ Phương tiện vận tải đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát;

+ Phương tiện vận tải chở người bệnh hoặc người nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm;

+ Phương tiện vận tải chở hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.

- Hàng hóa có thông báo của cơ quan có thẩm quyền về nguy cơ lây lan dịch bệnh truyền nhiễm.

b) Hàng hóa có trung gian truyền bệnh truyền nhiễm, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc không bảo đảm điều kiện vệ sinh chung (bao gồm phát hiện chất thải, chất tiết, dấu vết của trung gian truyền bệnh; hàng hóa có tình trạng nấm, mốc, mùi hôi thối).

c) Hàng hóa thuộc một trong các trường hợp:

- Xuất phát hoặc đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ ghi nhận có trường hợp bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A mà chưa được xử lý y tế;

- Phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất phát hoặc đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ ghi nhận có trường hợp bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A mà chưa được xử lý y tế.

Bước 6. Xử lý y tế đối với hàng hóa. Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế, kiểm dịch viên y tế có thể áp dụng một hoặc các biện pháp sau:

a) Khử trùng, diệt tác nhân gây bệnh, trung gian truyền bệnh truyền nhiễm;

b) Buộc tiêu hủy hoặc tái xuất đối với hàng hóa không thể diệt được tác nhân gây bệnh, trung gian truyền bệnh truyền nhiễm.

Cách thức thực hiện

Kiểm tra/ xử lý y tế trực tiếp tại cửa khẩu

<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với hàng hóa vận tải bằng đường bộ, đường sắt, đường hàng không: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy khai báo y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không (theo mẫu) + Giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không (nếu có); - Đối với hàng hóa vận tải bằng đường thủy: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao bản khai hàng hóa (theo mẫu); + Giấy chứng nhận kiểm tra y tế hàng hóa (trên tàu thuyền), tàu thuyền (nếu có). - Đơn đề nghị (theo mẫu): Trường hợp người khai báo y tế yêu cầu kiểm tra, xử lý y tế hàng hóa để cấp giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không. <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 hồ sơ đối với 01 người khai báo</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian hoàn thành việc giám sát đối với hàng hóa không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một lô hàng hóa không quá 20 phút. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế phải không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên. - Thời gian hoàn thành các biện pháp xử lý y tế không quá 02 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 06 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên. <p>Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 02 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đối tượng phải khai báo y tế đối với hàng hóa Hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh phải được khai báo y tế, trừ trường hợp hàng hóa quá cảnh mà không bốc dỡ khỏi phương tiện, hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn và động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 2. Đối tượng kiểm tra giấy tờ: <ol style="list-style-type: none"> a) Hàng hóa có yếu tố nguy cơ: <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa vận chuyển qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát; - Hàng hóa mang hoặc có dấu hiệu mang mầm bệnh, trung gian truyền bệnh truyền nhiễm; - Hàng hóa vận chuyển bằng phương tiện có yếu tố nguy cơ: <ul style="list-style-type: none"> + Phương tiện vận tải đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát; + Phương tiện vận tải chở người bệnh hoặc người nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm; + Phương tiện vận tải chở hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm. - Hàng hóa có thông báo của cơ quan có thẩm quyền về nguy cơ lây lan dịch bệnh truyền nhiễm. b) Hàng hóa có trung gian truyền bệnh truyền nhiễm, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc không bảo đảm điều kiện vệ sinh chung: phát hiện hàng hóa có trung gian truyền bệnh truyền nhiễm, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc không bảo đảm điều kiện vệ sinh chung (bao gồm phát hiện chất thải, chất tiết, dấu vết của trung gian truyền bệnh; hàng hóa có tình trạng nấm, mốc, mùi hôi thối).

	<p>3. Đối tượng kiểm tra thực tế:</p> <p>a) Hàng hóa vận chuyển qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát;</p> <p>b) Hàng hóa mang hoặc có dấu hiệu mang mầm bệnh, trung gian truyền bệnh truyền nhiễm;</p> <p>c) Hàng hóa vận chuyển bằng phương tiện có yếu tố nguy cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện vận tải đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát; - Phương tiện vận tải chở người bệnh hoặc người nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm; - Phương tiện vận tải chở hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm. <p>d) Hàng hóa có thông báo của cơ quan có thẩm quyền về nguy cơ lây lan dịch bệnh truyền nhiễm.</p> <p>e) Hàng hóa xuất phát hoặc đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ ghi nhận có trường hợp bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A mà chưa được xử lý y tế; phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất phát hoặc đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ ghi nhận có trường hợp bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A mà chưa được xử lý y tế;</p> <p>4. Đối tượng xử lý y tế:</p> <p>Hàng hóa bị kiểm tra mang hoặc có dấu hiệu mang mầm bệnh truyền nhiễm nhóm A hoặc trung gian truyền bệnh truyền nhiễm nhóm A.</p>																																																																																		
Cơ quan thực hiện	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh																																																																																		
Kết quả thực hiện	Xác nhận không cần phải kiểm tra y tế, kết thúc quy trình kiểm dịch y tế hoặc Cấp giấy chứng nhận xử lý y tế đối với hàng hóa.																																																																																		
Phí, lệ phí	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 5%;"></td> <td style="width: 60%;">Kiểm dịch y tế hàng hóa xuất, nhập, quá cảnh qua đường hàng không, đường thủy, đường sắt, đường bưu điện</td> <td style="width: 25%;">Theo lô, toa, kiện</td> <td style="width: 10%;"></td> </tr> <tr> <td>TT</td> <td>Danh mục</td> <td>Đơn vị tính</td> <td>Mức giá tối đa</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Kiểm tra y tế Lô hàng dưới 10 kg</td> <td>USD/lần kiểm tra</td> <td>1,4</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Kiểm tra y tế Lô hàng từ 10 kg đến 50 kg</td> <td>USD/lần kiểm tra</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 50 kg đến 100 kg</td> <td>USD/lần kiểm tra</td> <td>6</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 100 kg đến 1 tấn</td> <td>USD/lần kiểm tra</td> <td>13</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 1 tấn đến 10 tấn</td> <td>USD/lần kiểm tra</td> <td>39</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 10 tấn đến 100 tấn</td> <td>USD/lần kiểm tra</td> <td>90</td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>Kiểm tra y tế Lô hàng trên 100 tấn</td> <td>USD/lần kiểm tra</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>TT</td> <td>Danh mục</td> <td>Đơn vị tính</td> <td>Mức giá tối đa</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Dưới 5 tấn</td> <td>đồng/lần kiểm tra</td> <td>35.000</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Từ 5 tấn đến 10 tấn</td> <td>đồng/lần kiểm tra</td> <td>50.000</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Từ trên 10 tấn đến 15 tấn</td> <td>đồng/lần kiểm tra</td> <td>60.000</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Từ trên 15 tấn đến 30 tấn</td> <td>đồng/lần kiểm tra</td> <td>75.000</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Từ trên 30 tấn đến 60 tấn</td> <td>đồng/lần kiểm tra</td> <td>90.000</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Từ trên 60 tấn đến 100 tấn</td> <td>đồng/lần kiểm tra</td> <td>110.000</td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>Từ trên 100 tấn</td> <td>đồng/lần kiểm tra</td> <td>140.000</td> </tr> <tr> <td>8</td> <td>Lô/kiện dưới 10kg</td> <td>đồng/lần kiểm tra</td> <td>7.000</td> </tr> <tr> <td>9</td> <td>Lô/kiện từ 10kg đến 100kg</td> <td>đồng/lần kiểm tra</td> <td>15.000</td> </tr> <tr> <td>10</td> <td>Lô/kiện trên 100kg</td> <td>đồng/lần kiểm tra</td> <td>20.000</td> </tr> </table>				Kiểm dịch y tế hàng hóa xuất, nhập, quá cảnh qua đường hàng không, đường thủy, đường sắt, đường bưu điện	Theo lô, toa, kiện		TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa	1	Kiểm tra y tế Lô hàng dưới 10 kg	USD/lần kiểm tra	1,4	2	Kiểm tra y tế Lô hàng từ 10 kg đến 50 kg	USD/lần kiểm tra	4	3	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 50 kg đến 100 kg	USD/lần kiểm tra	6	4	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 100 kg đến 1 tấn	USD/lần kiểm tra	13	5	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 1 tấn đến 10 tấn	USD/lần kiểm tra	39	6	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 10 tấn đến 100 tấn	USD/lần kiểm tra	90	7	Kiểm tra y tế Lô hàng trên 100 tấn	USD/lần kiểm tra	100	TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa	1	Dưới 5 tấn	đồng/lần kiểm tra	35.000	2	Từ 5 tấn đến 10 tấn	đồng/lần kiểm tra	50.000	3	Từ trên 10 tấn đến 15 tấn	đồng/lần kiểm tra	60.000	4	Từ trên 15 tấn đến 30 tấn	đồng/lần kiểm tra	75.000	5	Từ trên 30 tấn đến 60 tấn	đồng/lần kiểm tra	90.000	6	Từ trên 60 tấn đến 100 tấn	đồng/lần kiểm tra	110.000	7	Từ trên 100 tấn	đồng/lần kiểm tra	140.000	8	Lô/kiện dưới 10kg	đồng/lần kiểm tra	7.000	9	Lô/kiện từ 10kg đến 100kg	đồng/lần kiểm tra	15.000	10	Lô/kiện trên 100kg	đồng/lần kiểm tra	20.000
	Kiểm dịch y tế hàng hóa xuất, nhập, quá cảnh qua đường hàng không, đường thủy, đường sắt, đường bưu điện	Theo lô, toa, kiện																																																																																	
TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa																																																																																
1	Kiểm tra y tế Lô hàng dưới 10 kg	USD/lần kiểm tra	1,4																																																																																
2	Kiểm tra y tế Lô hàng từ 10 kg đến 50 kg	USD/lần kiểm tra	4																																																																																
3	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 50 kg đến 100 kg	USD/lần kiểm tra	6																																																																																
4	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 100 kg đến 1 tấn	USD/lần kiểm tra	13																																																																																
5	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 1 tấn đến 10 tấn	USD/lần kiểm tra	39																																																																																
6	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 10 tấn đến 100 tấn	USD/lần kiểm tra	90																																																																																
7	Kiểm tra y tế Lô hàng trên 100 tấn	USD/lần kiểm tra	100																																																																																
TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa																																																																																
1	Dưới 5 tấn	đồng/lần kiểm tra	35.000																																																																																
2	Từ 5 tấn đến 10 tấn	đồng/lần kiểm tra	50.000																																																																																
3	Từ trên 10 tấn đến 15 tấn	đồng/lần kiểm tra	60.000																																																																																
4	Từ trên 15 tấn đến 30 tấn	đồng/lần kiểm tra	75.000																																																																																
5	Từ trên 30 tấn đến 60 tấn	đồng/lần kiểm tra	90.000																																																																																
6	Từ trên 60 tấn đến 100 tấn	đồng/lần kiểm tra	110.000																																																																																
7	Từ trên 100 tấn	đồng/lần kiểm tra	140.000																																																																																
8	Lô/kiện dưới 10kg	đồng/lần kiểm tra	7.000																																																																																
9	Lô/kiện từ 10kg đến 100kg	đồng/lần kiểm tra	15.000																																																																																
10	Lô/kiện trên 100kg	đồng/lần kiểm tra	20.000																																																																																

Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị (Mẫu số 15 Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018). - Giấy khai báo y tế (Mẫu số 4 Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018). - Bản khai hàng hóa (Mẫu số 43 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017).
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007 về Phòng, chống bệnh truyền nhiễm - Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ - Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

Mẫu số 15: Đơn đề nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ/ APPLICATION FORM
Cấp Giấy chứng nhận/ kiểm tra, xử lý
For issuance of certificate/ inspection/ control,

Kính gửi/ To:

Tôi là (họ tên bằng chữ hoa)/ Name Nam (Male) / Nữ (Female)

Chức vụ/ Title: (nếu có/ if any)

Tên cơ quan/ Agency: (nếu có/ if any)

Sinh ngày/ Date of birth:/...../..... Quốc tịch/ Nationality:

Số CMND (hoặc Hộ chiếu)/ Passport/ID No.) Ngày cấp/ Date of issue:

Nơi cấp/ Place of issue:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/ Registered permanent residence:

Chỗ ở hiện tại/ Current residence:

Thực hiện Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm và kiểm dịch y tế biên giới/ Implementation of the Decree No. 89/2018/ND-CP of the Government of Viet Nam dated 25/6/2018 on implementing the Law on Prevention and Control of Infectious Diseases

Đề nghị/ To request cấp Giấy chứng nhận/ kiểm tra, xử lý (For issuance certificate/ inspection/ control,), cho tôi hoặc Công ty/ đơn vị (tên đơn vị) (to me/Agency)

....., ngày/ dd.....tháng/ mm.....năm/ yyyy.....

Người đề nghị/ Applicant
(Ký, ghi rõ họ tên)/ Name and signature

Hồ sơ gửi kèm theo/ File enclosed

.....
.....

GIẤY KHAI BÁO Y TẾ
HÀNG HOÁ VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI (đối với đường bộ, đường sắt)
Health Declaration for conveyances, and cargo (for land transportation means, railway)

1. **Phân khai hàng hoá (bao gồm cả đường bộ, sắt, hàng không) (Declaration for cargo (including land transportation, railway, airway))**

Nơi đi/ *Departure* Nơi đến/ *Arrival*

Đến cửa khẩu/ *Name of entry point* Ngày, tháng, năm/ *Date (dd/mm/yy)*

Tên chủ hàng/ *Name of the goods owner*

Địa chỉ/ *Address*

STT <i>Item</i>	Danh mục hàng hoá <i>Name of cargo</i>	Số lượng và quy cách đóng gói <i>Quantity and package form</i>	Trọng lượng <i>Gross weight</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
1				
2				
Tổng cộng/ <i>Total</i>				

2. **Phân khai phương tiện đường bộ, đường sắt (Declaration for land transportation means, railway)**

Nơi đi/ *Departure* Nơi đến/ *Arrival*

Tên phương tiện vận tải/ *Name of conveyance*

Quốc tịch, hãng/ *Nationality, agent*

Tên chủ phương tiện/ Tên chủ hàng/ *Name of the conveyance operator/ Name of the goods owner*

Địa chỉ/ *Address*

Đến cửa khẩu/ *Name of entry point* Ngày tháng năm/ *Date (dd/mm/yy)*

STT <i>Item</i>	Số hiệu/chiến số <i>Registration No.</i>	Số lượng phương tiện <i>Number of conveyances</i>	Trọng tải (tấn) <i>Net tonnage</i>	Số nhân viên <i>Number of staff</i>	Số lượng hành khách <i>Number of passengers</i>
1					
2					

Chủ hàng, chủ phương tiện trả lời các câu hỏi sau/ *The following questions are answered by the conveyance operator, the owner of cargo*

1. Hàng hoá hoặc phương tiện vận tải có xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch không? / *Has conveyance or cargo come from or visited through affected area?*

Có/ *Yes* Không/ *No*

2. Hiện nay hoặc trong thời gian hành trình trên phương tiện có người mắc bệnh hoặc nghi mắc bệnh không? / *Is there on board now or has there been during the trip any case or suspected case of disease?*

Có/ *Yes* Không/ *No*

3. Có giấy chứng nhận kiểm tra và xử lý y tế hàng hoá không? / *Is there a Certification of health inspection and control for cargo?*

Có/ *Yes* Không/ *No*

Nếu có, ghi rõ ngày cấp/ nơi cấp/ *If yes, please note date and place of issue*

4. Có giấy chứng nhận kiểm tra và xử lý y tế phương tiện vận tải không? *Is there Certification of health inspection and control for conveyances?*

Có/Yes Không/No

Nếu có, ghi rõ ngày cấp/nơi cấp/ *If yes, please note date and place of issue*

Người khai (ký, ghi rõ họ tên)

(Signature and full name of Declarant)

Ngày/Date:giờ /hour

Ý kiến của kiểm dịch viên/ *Recommendation of health quarantine officer*

.....
.....

Kiểm dịch viên y tế/ health quarantine officer

Ký và đóng dấu/ Signature and stamp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Socialist Republic of Vietnam
 Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI HÀNG HÓA
CARGO DECLARATION

		Đến Arrival	Rời Departure	Trang số: Page No:
1.1 Tên tàu Name of ship		2. Cảng lập bản khai: Port where report is made		
1.2 Số IMO: IMO number				
1.3 Hồ hiệu: Call sign				
1.4 Số chuyến đi: Voyage number				
3. Quốc tịch tàu: Flag State of ship	4. Tên thuyền trưởng: Name of master	5. Cảng bốc/dỡ hàng hóa: Port of loading/Port of discharge		
Vận đơn số* B/L No	6. Ký hiệu và số hiệu hàng hóa Marks and Nos.	7. Số và loại bao kiện; loại hàng hóa, mã hàng hóa Number and kind of packages; description of goods, or, if available, the HS code	8. Tổng trọng lượng Gross weight	9. Kích thước Measurement
Xuất khẩu Export cargo				
....				
Nhập khẩu Import cargo				
...				
Nội địa Domestic cargo				
...				
Hàng quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging at port				
...				
Hàng quá cảnh không xếp dỡ The quantity of cargo in transit				
...				
Hàng trung				

chuyển Transshipment cargo			
----------------------------------	--	--	--

* Số Vận đơn: Khai cảng nhận hàng chính thức theo phương thức vận tải đa phương thức hoặc vận đơn suốt.

B/L No: Also state original port by shipment using multimodal transport document or through Bill of Lading

....., ngày tháng năm 20 ...
Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

4. Thủ tục: *Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt.*

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Khai báo y tế đối với thi thể, hài cốt Người khai báo y tế thực hiện khai, nộp giấy khai báo y tế thi thể, hài cốt, tro cốt, bản chụp giấy xác nhận đã qua xử lý y tế của nơi xuất phát (đối với thi thể, hài cốt), giấy phép nhập cảnh thi thể, hài cốt về Việt Nam theo quy định của Bộ Ngoại giao và giấy tờ chứng minh tử vong (đối với thi thể, hài cốt) cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới hoặc qua Cổng thông tin một cửa quốc gia trước khi hoàn thành thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. - Thời gian: 24/24h vào các ngày trong tuần (kể cả thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ).</p> <p>Bước 2. Thu thập thông tin Kiểm dịch viên y tế thu thập thông tin từ giấy khai báo y tế thi thể, hài cốt, bản chụp giấy xác nhận đã qua xử lý y tế của nơi xuất phát (không áp dụng đối với tro cốt), giấy phép nhập cảnh thi thể, hài cốt về Việt Nam theo quy định của Bộ Ngoại giao và giấy tờ chứng minh tử vong (không áp dụng đối với tro cốt).</p> <p>Bước 3. Xử lý thông tin 1. Không cho phép vận chuyển qua biên giới thi thể, hài cốt do mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A. 2. Kiểm dịch viên y tế thực hiện giám sát tình trạng vệ sinh, điều kiện vận chuyển đối với thi thể, hài cốt.</p> <p>Bước 4. Kiểm tra giấy tờ Kiểm dịch viên y tế kiểm tra các loại giấy tờ sau: a) Giấy khai báo y tế thi thể, hài cốt (bao gồm cả tro cốt); b) Giấy xác nhận đã qua xử lý y tế của nơi xuất phát; c) Giấy phép nhập cảnh thi thể, hài cốt về Việt Nam; d) Giấy tờ chứng minh tử vong (đối với thi thể, hài cốt).</p> <p>Bước 5. Kiểm tra thực tế Kiểm dịch viên y tế thực hiện các nội dung sau: a) Đối chiếu nội dung khai báo y tế với thực tế bảo quản thi thể, hài cốt; b) Kiểm tra tình trạng vệ sinh, điều kiện vận chuyển theo quy định của Bộ Y tế.</p> <p>Bước 6. Xử lý y tế Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế, kiểm dịch viên y tế: a) Thực hiện hoặc phối hợp với đơn vị có liên quan xử lý y tế theo quy định của pháp luật về mai táng, hỏa táng; b) Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt sau khi hoàn thành việc xử lý y tế quy định tại điểm a khoản này.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Kiểm tra/ xử lý y tế trực tiếp tại cửa khẩu</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm: - Giấy khai báo y tế thi thể, hài cốt (bao gồm cả tro cốt) <i>(theo mẫu)</i>; - Giấy xác nhận đã qua xử lý y tế của nơi xuất phát; - Giấy phép nhập cảnh thi thể, hài cốt về Việt Nam; - Giấy tờ chứng minh tử vong (đối với thi thể, hài cốt). b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ đối với 01 thi thể, hài cốt</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ đối với một thi thể hoặc một hài cốt không quá 15 phút kể từ khi nộp đủ các loại giấy tờ. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế đối với một thi thể hoặc một hài cốt không quá 01 giờ kể từ khi nộp đủ giấy tờ. - Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế đối với một thi thể hoặc một hài cốt không quá 03 giờ kể từ khi tổ chức kiểm dịch y tế biên giới yêu cầu xử lý y tế. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà chưa hoàn thành</p>

	việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản, nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.																														
Đối tượng thực hiện	1. Đối tượng phải khai báo y tế Thi thể, hài cốt vận chuyển qua biên giới phải được khai báo y tế. 2. Đối tượng kiểm tra giấy tờ: Tất cả các thi thể, hài cốt vận chuyển qua biên giới. 3. Đối tượng kiểm tra thực tế: Tất cả các thi thể, hài cốt vận chuyển qua biên giới. 4. Đối tượng xử lý y tế: - Thi thể, hài cốt không có giấy xác nhận đã qua xử lý y tế - Thi thể, hài cốt không bảo đảm điều kiện về vệ sinh, vận chuyển theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.																														
Cơ quan thực hiện	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.																														
Kết quả thực hiện	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt																														
Phí, lệ phí	<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="4">Kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt, tro cốt</th> </tr> <tr> <th>TT</th> <th>Danh mục</th> <th>Đơn vị tính</th> <th>Mức giá tối đa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Kiểm tra y tế đối với thi thể</td> <td>USD/lần kiểm tra</td> <td>20</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Kiểm tra y tế đối với hài cốt</td> <td>USD/lần kiểm tra</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Kiểm tra y tế đối với tro cốt</td> <td>USD/lần kiểm tra</td> <td>5</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Xử lý vệ sinh thi thể</td> <td>USD/lần xử lý</td> <td>40</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Xử lý vệ sinh hài cốt</td> <td>USD/lần xử lý</td> <td>14</td> </tr> </tbody> </table>			Kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt, tro cốt				TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa	1	Kiểm tra y tế đối với thi thể	USD/lần kiểm tra	20	2	Kiểm tra y tế đối với hài cốt	USD/lần kiểm tra	7	3	Kiểm tra y tế đối với tro cốt	USD/lần kiểm tra	5	4	Xử lý vệ sinh thi thể	USD/lần xử lý	40	5	Xử lý vệ sinh hài cốt	USD/lần xử lý	14
Kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt, tro cốt																															
TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa																												
1	Kiểm tra y tế đối với thi thể	USD/lần kiểm tra	20																												
2	Kiểm tra y tế đối với hài cốt	USD/lần kiểm tra	7																												
3	Kiểm tra y tế đối với tro cốt	USD/lần kiểm tra	5																												
4	Xử lý vệ sinh thi thể	USD/lần xử lý	40																												
5	Xử lý vệ sinh hài cốt	USD/lần xử lý	14																												
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Giấy khai báo y tế thi thể, hài cốt (bao gồm cả tro cốt) (Mẫu số 11 Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018)																														
Yêu cầu, điều kiện	Không																														
Căn cứ pháp lý	- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007 về Phòng, chống bệnh truyền nhiễm. - Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.																														

GIẤY KHAI BÁO Y TẾ
THI THỂ, HẢI CỐT, TRO CỐT
Health Quarantine Declaration of Corpse, Bones, Body ash

Họ tên người khai/*Name of declarant*

Địa chỉ/*Address*

Quan hệ với người chết/*Declarant's relation to deceased*

Họ tên người chết/*Name of deceased* Nam/Male Nữ/Female

Ngày sinh/*Date of birth* Ngày chết/*Date of death*

Quốc tịch/*Nationality* Nơi chết/*Place of death*

Nguyên nhân chết (nếu là thi thể)/*Cause of death (for corpse only)*

Chuyến từ/*Transported from* Đến/*Arrival*

Có xác nhận đủ điều kiện vệ sinh thi thể không?/ *Is there an official letter of local of authorized unit confirming on sanitary of corpse?*

Có/Yes Không/No

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời khai này/*I certify that the declaration given on this form is correct and complete to the best of my knowledge and belief.*

Ngày tháng năm
Date (dd/mm/yyyy)

Người khai (kí, ghi họ và tên)
Signature and fullname of the declarant

Ngày /Date: giờ /hour

Ý kiến của kiểm dịch viên / *Recommendation of health quarantine officer*

.....
.....

Kiểm dịch viên y tế/ *health quarantine officer*

Ký và đóng dấu/ *Signature and stamp*

5. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Khai báo y tế</p> <p>1. Người khai báo y tế thực hiện khai, nộp giấy khai báo y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới hoặc qua Công thông tin một cửa quốc gia trước khi hoàn thành thủ tục vận chuyển qua biên giới.</p> <p>- Thời gian: Từ 7h 00 đến 19h 00 vào các ngày trong tuần (kể cả thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ).</p> <p>2. Đối với mẫu vi sinh y học liên quan đến mẫu bệnh phẩm ở người, người khai báo y tế nộp giấy phép nhập khẩu mẫu bệnh phẩm cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới hoặc qua Công thông tin một cửa quốc gia trước khi hoàn thành thủ tục vận chuyển qua biên giới.</p> <p>Bước 2. Thu thập thông tin</p> <p>Kiểm dịch viên y tế thu thập giấy khai báo y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người; giấy phép nhập khẩu mẫu bệnh phẩm theo quy định của Bộ Y tế (đối với mẫu vi sinh y học liên quan đến mẫu bệnh phẩm ở người).</p> <p>Bước 3. Xử lý thông tin</p> <p>1. Không cho phép nhập khẩu đối với mẫu vi sinh y học liên quan đến mẫu bệnh phẩm ở người chưa có giấy phép nhập khẩu mẫu bệnh phẩm.</p> <p>2. Kiểm dịch viên y tế thực hiện giám sát điều kiện bảo quản vận chuyển đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người.</p> <p>Bước 4. Kiểm tra giấy tờ</p> <p>Kiểm dịch viên y tế kiểm tra các loại giấy tờ sau:</p> <p>a) Giấy khai báo y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người;</p> <p>b) Giấy phép nhập khẩu mẫu bệnh phẩm (đối với mẫu vi sinh y học liên quan đến mẫu bệnh phẩm ở người).</p> <p>Bước 5. Kiểm tra thực tế</p> <p>Kiểm dịch viên y tế thực hiện các nội dung sau:</p> <p>a) Đối chiếu nội dung khai báo y tế đối với sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người với thực tế tình trạng vệ sinh;</p> <p>b) Đối chiếu nội dung khai báo y tế mẫu vi sinh y học liên quan đến mẫu bệnh phẩm ở người với tình trạng vệ sinh, điều kiện bảo quản, vận chuyển theo quy định của Bộ Y tế.</p> <p>Bước 6. Xử lý y tế. Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế, kiểm dịch viên y tế:</p> <p>a) Yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo quản, vận chuyển theo quy định;</p> <p>b) Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người sau khi hoàn thành việc xử lý y tế.</p>
Cách thức thực hiện	Kiểm tra/ xử lý y tế trực tiếp tại cửa khẩu
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy khai báo y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (theo mẫu); - Giấy phép nhập khẩu mẫu bệnh phẩm (đối với mẫu vi sinh y học liên quan đến mẫu bệnh phẩm ở người). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ đối với 01 thí thể, hài cốt</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ đối với một lô mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người không quá 15 phút kể từ khi nộp đủ các loại giấy tờ. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế đối với một lô mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người không quá

	<p>01 giờ kể từ khi nộp đủ giấy tờ.</p> <p>- Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế đối với một lô mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người không quá 01 giờ kể từ khi tổ chức kiểm dịch y tế biên giới yêu cầu xử lý y tế. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.</p>																																								
Đối tượng thực hiện	<p>1. Đối tượng phải khai báo y tế</p> <p>Mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người vận chuyển qua biên giới phải được khai báo y tế.</p> <p>2. Đối tượng kiểm tra giấy tờ:</p> <p>Tất cả mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người vận chuyển qua biên giới.</p> <p>3. Đối tượng kiểm tra thực tế:</p> <p>Tất cả mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người vận chuyển qua biên giới.</p> <p>4. Đối tượng xử lý y tế:</p> <p>Mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người không bảo đảm điều kiện vệ sinh hoặc điều kiện về bảo quản, vận chuyển.</p>																																								
Cơ quan thực hiện	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh																																								
Kết quả thực hiện	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người																																								
Phí, lệ phí	<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="4">Kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt, tro cốt</th> </tr> <tr> <th>TT</th> <th>Danh mục</th> <th>Đơn vị tính</th> <th>Mức giá tối đa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Kiểm tra y tế đối với thi thể</td> <td>USD/lần kiểm tra</td> <td>20</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Kiểm tra y tế đối với hài cốt</td> <td>USD/lần kiểm tra</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Kiểm tra y tế đối với tro cốt</td> <td>USD/lần kiểm tra</td> <td>5</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Xử lý vệ sinh thi thể</td> <td>USD/lần xử lý</td> <td>40</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Xử lý vệ sinh hài cốt</td> <td>USD/lần xử lý</td> <td>14</td> </tr> <tr> <td colspan="4">Kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người</td> </tr> <tr> <th>TT</th> <th>Danh mục</th> <th>Đơn vị tính</th> <th>Mức giá tối đa</th> </tr> <tr> <td></td> <td>Kiểm tra y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người</td> <td>USD/lần kiểm tra /kiện, lô mẫu, sản phẩm, mô, bộ phận</td> <td>6,5</td> </tr> </tbody> </table>	Kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt, tro cốt				TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa	1	Kiểm tra y tế đối với thi thể	USD/lần kiểm tra	20	2	Kiểm tra y tế đối với hài cốt	USD/lần kiểm tra	7	3	Kiểm tra y tế đối với tro cốt	USD/lần kiểm tra	5	4	Xử lý vệ sinh thi thể	USD/lần xử lý	40	5	Xử lý vệ sinh hài cốt	USD/lần xử lý	14	Kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người				TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa		Kiểm tra y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	USD/lần kiểm tra /kiện, lô mẫu, sản phẩm, mô, bộ phận	6,5
Kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt, tro cốt																																									
TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa																																						
1	Kiểm tra y tế đối với thi thể	USD/lần kiểm tra	20																																						
2	Kiểm tra y tế đối với hài cốt	USD/lần kiểm tra	7																																						
3	Kiểm tra y tế đối với tro cốt	USD/lần kiểm tra	5																																						
4	Xử lý vệ sinh thi thể	USD/lần xử lý	40																																						
5	Xử lý vệ sinh hài cốt	USD/lần xử lý	14																																						
Kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người																																									
TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa																																						
	Kiểm tra y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	USD/lần kiểm tra /kiện, lô mẫu, sản phẩm, mô, bộ phận	6,5																																						
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Giấy khai báo y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (<i>Mẫu số 13 Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018</i>)																																								
Yêu cầu, điều kiện	Không																																								
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007 về Phòng, chống bệnh truyền nhiễm</p> <p>- Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>																																								

GIẤY KHAI BÁO Y TẾ
MẪU VI SINH Y HỌC, SẢN PHẨM SINH HỌC, MÔ, BỘ PHẬN CƠ THỂ NGƯỜI
*Health Quarantine Declaration of microorganism sample,
biological products, tissues, human body organs*

Họ tên người khai/Name of the declarant.....

Địa chỉ/Address..... Quốc tịch/Nationality.....

Tên và số lượng/Description and quantity:.....

Có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền xác nhận xuất xứ vật phẩm không? *Is there an official letter of the authorized confirming the origin of this products?*

Có/Yes Không/No

Có văn bản đồng ý của Bộ Y tế không? *Is there a Ministry of Health's letter of no objection?*

Có/Yes Không/No

Địa chỉ xuất phát/Departure address.....

Được vận chuyển qua cửa khẩu/Transported through check point.....

Địa chỉ nơi đến/Arrival address.....

Mục đích nhập, xuất khẩu/Purpose of import/export.....

.....
.....
.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời khai này. *I certify that the declaration given on this form is correct and complete to the best of my knowledge and belief.*

Ngày tháng năm

Date (dd /mm /yyyy)

Người khai (ký, ghi họ và tên)

Signature and fullname of the declarant

Ngày/Date:.....giờ/ hour

Ý kiến của kiểm dịch viên/ Recommendation of health quarantine officer.....

.....

Kiểm dịch viên y tế/ health quarantine officer

Ký và đóng dấu/ Signature and stamp